

Bản án số: 161/2024/HS-ST  
Ngày 12-11-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Huy Toàn.

*Thẩm phán:* Ông Trương Văn Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Tiên Phương.

Ông Mai Văn Phước;

Bà Trần Thị Đẹp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và điểm cầu thành phần Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm (trực tuyến) công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 140/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Vũ Đ sinh năm 2003 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; nghề nghiệp: buôn bán; giới tính: nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vũ Ph và bà Thạch Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 14/3/2019, bị Công an phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một xử phạt cảnh cáo về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Ngày 14/8/2020, bị Công an thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 1.250.000 đồng về hành vi giấu gậy ba khúc trong người mục đích gây thương tích cho người khác, chấp hành xong ngày 09/9/2020, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thế L sinh năm 2000 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: khu dân cư P, ấp X, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; trình độ văn hóa (học vấn): lớp

8/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông Trần Xuân Ch và bà Trương Thị Th1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 27/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 82/2019/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt ngày 06/5/2020.

Ngày 22/12/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Bình Dương; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Tăng Ngọc T sinh năm 1999 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: khu dân cư Z, ấp I, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Ngọc C1 và bà Bùi Thị Th2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: ngày 05/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 46/2020/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt ngày 03/5/2021. Đóng án phí xong tháng 12/2020; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

4. Vũ Văn T1 sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: số xx, đường C, tổ XX, khu N, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Th2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ và 01 người con (sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 12/8/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” (Bản án số 92/2002/HSST). Đóng án phí ngày 07/4/2004, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/3/2004.

Ngày 10/11/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 62/2005/HS-ST), chấp hành xong.

Ngày 11/8/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” (Bản án số 21/2005/HS-ST).

Ngày 17/02/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tổng hợp với Bản án số 21/2005/HS-ST ngày 11/8/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xử phạt T1 06 (sáu) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” là 02 (hai) năm tù (Bản án

số 04/2006/HS-ST). Đóng án phí ngày 03/10/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/3/2009.

Ngày 28/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xử phạt 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 49/2010/HSST). Đóng án phí ngày 04/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/12/2012; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa;

5. Phạm Quốc T2 sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số V, khu phố C, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc Thái và bà Nguyễn Thị Thanh Huyền; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: ngày 25/11/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ban hành Quyết định số 65 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 (một) năm 03 (ba) tháng.

Tiền án:

Ngày 01/4/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 74/2021/HS-ST). Đóng án phí 21/6/2021, chấp hành xong hình phạt ngày 25/12/2021.

Nhân thân:

Ngày 28/5/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 91/2024/HS-ST); bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương. Bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 08 tháng 12 năm 2023.

6. Vũ Trần H sinh năm 2000 tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: ấp X, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; nghề nghiệp: buôn bán; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hải H1 (đã chết) và bà Trần Thị Kim Nh; bị cáo có vợ, có 02 người con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

7. Nguyễn Hữu D sinh năm 2000 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: ấp I, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 6/12; nghề nghiệp: buôn bán; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị S; bị cáo có vợ, có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Vũ Đ:* ông Nguyễn Ngọc T6 - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Ngọc Sơn và Partner thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa);

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Tăng Ngọc T và bị cáo Trần Thế L:* ông Lê Minh Ph – Luật sư Công ty Luật TNHH B.C.M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt). Tại phiên tòa, bị cáo Tăng Ngọc T và bị cáo Trần Thế L

từ chối người bào chữa cho mình nên người bào chữa không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Vũ Văn T1*: ông Nguyễn Bùi An B – Luật sư Công ty Luật TNHH AMA thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt tại phiên tòa);

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Hoàng L sinh năm 1999 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại*:

1. Ông Nguyễn Hoàng T sinh năm 1970;

2. Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973;

Cùng nơi cư trú: số W, khu phố H, phường Hưng Định, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; *Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 16/9/2024) của người đại diện theo pháp luật*: Bà Đặng Thị Kiều T sinh năm 1988; nơi cư trú: số T, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt tại phiên tòa;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Thành Nh sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Thành N sinh năm 1991, có mặt tại phiên tòa;

Cùng nơi cư trú: số X, tổ N, khu P, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Trần Vũ Ph sinh năm 1980; nơi cư trú: số XX, đường Đ, khu phố W, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T3 sinh năm 2002, có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại quán bida Hoàng Gia thuộc phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trần Vũ Đ và bạn gái tên Nhi nói chuyện với nhau, sau đó Nhi nói bạn gái của Nguyễn Văn T3, sinh năm 2002, nơi thường trú: ấp T, xã B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang là Lê Huỳnh Trân, sinh năm 2004, nơi thường trú: khu 6, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai gọi đến quán Siku thuộc phường Chánh nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để trả tiền vì trước đó T3 mượn của Đ 2.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10 tháng 01 năm 2023 sẽ trả lại 3.000.000 đồng nên Đ chở Nhi đến quán Siku gặp T3. Khi đến quán Siku, Đ và Nhi gặp Trân từ trong quán đi ra và đưa cho Đ 2.000.000 đồng nhưng Đ không đồng ý và nói để đi vào gặp T3 nói chuyện. Đ đi vào trong quán hỏi T3

“Bữa hứa mười tây đưa ba triệu mà sao Trần điện thoại xuống chỉ đưa có hai triệu vậy”, T3 trả lời “Hai triệu đó cầm đỡ đi, để mười tây đưa thêm một triệu nữa”. Đ không đồng ý nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Đ bức tức T3 không trả tiền mà còn có thái độ thách thức nên Đ điện thoại cho Trần Thế L, Nguyễn Hữu D, Vũ Văn T1 nhờ đến quán nhậu Siku để hỗ trợ Đ đánh T3. Sau khi nghe Đ điện thoại thì Nguyễn Hữu D điều khiển xe mô tô biển số 60B4 – 976.09 chở Vũ Trần H, Vũ Văn T1 đi một mình bằng xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đến quán Siku để gặp Đ. Tại quán, Đ chỉ cho D H, T1 biết T3 là người thanh niên mượn tiền của Đ không trả mà còn có thái độ thách thức nên Đ nhờ D, T1 hỗ trợ đánh T3. Do lúc này, T3 đang ngồi nhậu cùng với nhiều người nên nhóm của Đ không dám đánh T3 trong quán. Đ cùng với D H, T1 và bạn gái tên Nhi đi sang bàn riêng trong quán ngồi nói chuyện. Đ tiếp tục kể về sự việc T3 mượn tiền của Đ không trả như đã hứa mà còn có thái độ thách thức nên Đ muốn cả nhóm hỗ trợ Đ đánh T3 để dần mặt. Đ nói cả nhóm di chuyển ra ngoài đường phía trước quán chờ để Đ chở Nhi về phòng trọ. Đ chở Nhi đi cùng với D, H, T1 di chuyển ra khỏi quán cách khoảng 300m, Đ nói D, H, T1 đứng tại đây chờ Đ chở Nhi về phòng trọ tại phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một. Trong lúc Đ chở Nhi về thì Tăng Ngọc T điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter màu vàng chở Trần Thế L; Phạm Quốc T2 điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen đi một mình cũng đi đến hỗ trợ Đ đánh nhau. Sau khi chở Nhi về phòng trọ, Đ đi về phòng trọ của Đ tại phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một lấy 01 dao với mục đích để sử dụng đánh T3. Đ điều khiển xe mô tô 60B4-529.21 đến vị trí của H, D, T1 đang đứng chờ. Khi Đ đi đến gần vị trí của H, D, T1 đang đứng, Đ thấy phía chiều ngược lại bị hại L chở T3 bằng xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen nên Đ la lớn “nó kia, nó kia, dí theo nó”. Nghe thấy Đ la lớn T3 quay người lại nhìn nhưng không dừng lại và L nói T3 ôm chặt để L tăng ga chạy nhanh. Thấy T3 bỏ chạy, Đ quay đầu xe tăng ga truy đuổi theo. Nghe thấy Đ la lớn, nhóm của T, L, D, H, T2, T1 cùng tăng ga truy đuổi cùng với Đ (T chở L bằng xe mô tô biển số 61L7-8632; D chở H bằng xe mô tô biển số 60B4-976.09; T2 đi một mình bằng xe mô tô biển số 61C1-702.18, T1 đi một mình bằng xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ không rõ biển số). Khi truy đuổi được khoảng 500m, đến đoạn đường trước chợ Thủ Dầu Một, T2 tăng ga vượt lên chạy song song ép xe của L, T3, dẫn đến xe của T2 va quệt với xe của L, T3 làm T2 té ngã xuống đường. Xe của bị hại L, T3 tiếp tục bỏ chạy và nhóm của Đ, T, L, T1 tiếp tục truy đuổi theo sau; thấy T2 bị té ngã D, H dùng xe đỡ T2 dậy xong tiếp tục tham gia đuổi theo, T2 đi vào bệnh viện băng vết thương. Truy đuổi đến ngã ba đoạn giao đường đi bộ vào chợ đêm Bạch Đằng, Đ lấy dao từ túi quần trái ra, cầm trên tay, la lớn tiếp tục truy đuổi theo xe bị hại L, T3. T3 thấy Đ lấy dao ra cầm trên tay nên T3 nói với bị hại L điều khiển xe chạy nhanh hơn. Quá trình rượt đuổi,

khoảng cách xe của Đ, T1 cách xe bị hại L, T3 khoảng 20m; xe của T, L cách xe của Đ khoảng 100m, xe của H, D cách xe của Đ khoảng 500m. Khi đến khu vực Miếu Tử Trận, bị hại L điều khiển xe chở T3 ôm cua rẽ phải hướng về đường Nguyễn Văn Tiết, do chạy xe nhanh nên tông vào gốc cây trên lề đường đi bộ, cạnh hẻm XX, tổ N, đường T5, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một và ngã xuống đường, cả hai té nằm trên vỉa hè. Bị hại L té nằm bất tỉnh, T3 còn tỉnh định chống tay ngồi dậy thì Đ chạy xe đến, xuống xe cầm dao trên tay phải đâm vào vùng đùi, chân trái, chân phải, 01 nhát vào vùng lưng và dùng chân đá 02 cái vào người của T3. Cùng lúc này, T, L cũng chạy đến dùng tay, chân đánh, đá vào mặt, thân người của T3. Thấy T3 không còn khả năng chống cự nên Đ, T và L lên xe mô tô đi về. Trên đường về cách vị trí của T3 nằm té ngã khoảng 50m, Đ thấy xe của H, D đang chạy đến nên Đ nói quay về đi, xong rồi nên H, D quay xe lại đi về cùng; riêng T1 khi thấy xe của bị hại L, T3 té ngã nên lo sợ đã điều khiển xe rẽ trái vào đường khác đi về phòng trọ.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Đ, L đến Cơ quan Công an đầu thú còn các bị cáo sau đó bị khởi tố để điều tra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 52/2003/GĐPY ngày 06/02/2023, Trung Tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận Nguyễn Văn T3 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là 7% (bảy phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 14/GĐPY ngày 05 tháng 01 năm 2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyễn Hoàng L như sau: nhiều vết sây sát da, bầm tụ máu bên ngoài, vỡ xương sụn sọ, hố sọ giữa, xuất huyết dưới nhện hai bán cầu đại não, tiểu não, dập rách tiểu não, thân não, hành não tủy. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị H mẹ ruột của bị hại Nguyễn Hoàng L yêu cầu bồi thường chi phí mai táng số tiền 344.500.000 đồng (ba trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền tổn thất tinh thần 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 169/CT-VKSBD-P2 ngày 06 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố Trần Vũ Đ, Tăng Ngọc T, Trần Thế L, Vũ Văn T1 về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123; truy tố các bị cáo Phạm Quốc T2, Nguyễn Hữu D và Vũ Trần H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, qua phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T và T2 tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T, T2, T1 thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đ, L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú, quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H, D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Vũ Đ mức hình phạt từ 16 (mười sáu) năm đến 18 (mười tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Thế L mức hình phạt từ 14 (mười bốn) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tăng Ngọc T mức hình phạt từ 15 (mười lăm) năm đến 17 (mười bảy) năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 mức hình phạt từ 14 (mười bốn) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc T2 mức hình phạt từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 91/2024/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D xử phạt bị cáo Vũ Trần H mỗi bị cáo mức hình phạt từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đối với số tiền mai táng gia đình bị hại yêu cầu là 164.500.000 đồng nhưng không cung cấp các hóa đơn chứng từ. Tuy nhiên số tiền trên là chi phí hợp lý cho việc mai táng nên đề nghị chấp nhận. Đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần do các bị cáo và gia đình bị hại không thỏa thuận được nên căn cứ theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức 100 lần lương cơ sở, buộc các bị cáo Trần Vũ Đ, Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Văn T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền mai táng, tiền tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại theo yêu cầu.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Vũ Đ trình bày: thống nhất quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng của Viện kiểm sát. Trình bày nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội là do người làm chứng T3 nợ tiền không trả đúng thỏa thuận mà còn có thái độ, hành động thách thức bị cáo, người làm chứng T3 có cầm dao nên dẫn đến việc kích động tinh thần đối với bị cáo, bị cáo không có mục đích phạm tội từ trước mà chỉ nhất thời phạm tội, do bị hại và

người làm chứng T3 bỏ chạy nên không kiểm chế được hành vi của mình bị cáo mới có hành động cùng bạn dùng xe truy đuổi theo, bản thân bị hại điều khiển xe mô tô có sử dụng rượu bia vi phạm Luật Giao thông đường bộ nên cũng có lỗi trong hậu quả tai nạn dẫn đến tử vong, giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn từ trước nên bị cáo không có động cơ giết bị hại, bị cáo là người dân tộc Khmer, trình độ học vấn mới học lớp 3 nhận thức về pháp luật còn có phần hạn chế, sau phạm tội đã ra đầu thú, biết ăn năn hối hận, đã tác động gia đình nộp tiền để khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng lo cho gia đình. Về trách nhiệm dân sự, do yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho bị hại quá cao bị cáo không đồng ý và đề nghị giải quyết theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định để giải quyết.

Các bị cáo Tăng Ngọc T và Trần Thế L thống nhất việc truy tố các bị cáo về tội danh và không tranh luận với Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T1 trình bày: do bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố nên thống nhất việc truy tố bị cáo về tội danh giết người. Thống nhất các tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Các bị cáo Trần Vũ Đ, Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Văn T1 không đồng ý theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho bị hại mà đề nghị giải quyết theo quy định

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H mẹ ruột của Nguyễn Hoàng L yêu cầu bồi thường chi phí mai táng số tiền 344.500.000 đồng (ba trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền tổn thất tinh thần 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Tại phiên tòa, do các bị cáo không chấp nhận theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại nên người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị căn cứ vào hóa đơn, chứng từ để giải quyết về khoản tiền chi phí mai táng cho gia đình bị hại. Đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết cho gia đình bị hại.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Vũ Ph tự nguyện không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả lại tiền đã nộp thay cho bị cáo.

Các bị cáo đồng ý quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin tha thứ cho hành vi của mình, đồng thời kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của họ được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp các tài liệu chứng cứ thu giữ được trong vụ án nên có đủ cơ sở xác định: khoảng 00 giờ ngày 03 tháng 01 năm 2023, Trần Vũ Đ mâu thuẫn với Nguyễn Văn T3 trong việc nợ tiền nên Đ rủ Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Trần H, Nguyễn Hữu D đi đánh T3; Phạm Quốc T2 đang đi chung với T và L nên cũng đi tham gia cùng. Sau đó, D rủ Vũ Văn T1 cùng tham gia đi đánh T3 hỗ trợ cho Đ. T chở L bằng xe mô tô biển số 61L7-8632; D chở H bằng xe mô tô biển số 60B4-976.09; T2 đi một mình bằng xe mô tô biển số 61C1-702.18, T1 đi một mình bằng xe mô tô Sirius màu đỏ không rõ biển số truy đuổi bị hại L và T3 từ quán Siku, chợ Thủ Dầu Một đến khu vực Miếu Tử Trận, bị hại L điều khiển xe chở T3 ôm cua rẽ phải hướng về đường Nguyễn Văn Tiết, do chạy xe nhanh nên tông vào gốc cây trên lề đường đi bộ, cạnh hẻm XX, tổ N, đường T5, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một và ngã xuống đường, cả hai té nằm trên vỉa hè. Bị hại L té nằm bất tỉnh, T3 định chống tay ngồi dậy thì Đ chạy xe đến, xuống xe cầm dao trên tay phải đâm vào vùng đùi, chân trái, chân phải, 01 nhát vào vùng lưng và dùng chân đá 02 cái vào người của T3. Cùng lúc này, T, L cũng chạy đến dùng tay, chân đánh, đá vào mặt, thân người của T3 gây thương tích. Thấy T3 không còn khả năng chống cự nên Đ, T và L lên xe mô tô đi về. Trên đường về cách vị trí của T3 nằm té ngã khoảng 50m, Đ thấy xe của H, D đang chạy đến nên Đ nói quay về đi, xong rồi nên H, D quay xe lại đi về cùng; riêng T1 khi thấy xe của bị hại L,

T3 té ngã nên lo sợ đã điều khiển xe rẽ trái vào đường khác đi về phòng trọ. T2 bị ngã trên đường và đi đến Bệnh viện khâu vết thương.

Hành vi của bị cáo Trần Vũ Đ dùng dao là hung khí nguy hiểm cùng Tăng Ngọc T, Trần Thế L, Vũ Văn T1 điều khiển xe mô tô truy đuổi bị hại L, T3 trên đoạn đường Nguyễn Văn Tiết là nguy hiểm. Khi T3 thấy bị cáo Đ cầm dao điều khiển mô tô rượt đuổi theo xe mô tô của bị hại L nên T3 nói với bị hại L điều khiển xe nhanh hơn, bị hại L chở T3 với vận tốc cao ôm cua rẽ phải hướng về đường Nguyễn Văn Tiết, do chạy xe nhanh nên tông vào gốc cây trên lề đường đi bộ hậu quả làm bị hại L tử vong. Bị hại L trong tình trạng bị truy đuổi, uy hiếp, đe dọa nên bị hại L lo sợ và đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy với vận tốc nhanh, khả năng cao gây tai nạn nguy hiểm đến tính mạng. Các bị cáo buộc phải nhận thức được việc dùng mô tô truy đuổi với vận tốc cao là rất nguy hiểm nhưng vẫn tiếp tục truy đuổi cho đến khi thấy bị hại L, T3 ngã xe mới dừng lại. Khi bị hại L té nằm bất tỉnh, T3 còn tỉnh ngòi dậy thì Đ chạy xe đến, xuống xe cầm dao trên tay phải đâm vào vùng đùi, chân trái, chân phải, 01 nhát vào vùng lưng và dùng chân đá 02 cái vào người của T3. T, L cũng chạy đến dùng tay, chân đánh, đá vào mặt, thân người của T3, thấy T3 không còn khả năng chống cự nên Đ, T và L lên xe mô tô đi về. Về mặt chủ quan, các bị cáo không mong muốn hậu quả chết người xảy ra nhưng có ý thức chấp nhận để hậu quả chết người xảy ra và thực tế là bị hại L đã chết.

Theo Án lệ số 59/2023/AL thì tình huống pháp lý tương tự án lệ: Hành vi của bị cáo Trần Vũ Đ dùng dao là hung khí nguy hiểm cùng các bị cáo Tăng Ngọc T, Trần Thế L, Vũ Văn T1 điều khiển xe mô tô truy đuổi L, T3, do sợ bị đâm nên điều xe chạy nhanh dẫn đến tông xe vào gốc cây trên lề đường đi bộ, hậu quả dẫn đến ông L tử vong. Như vậy, đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Vũ Đ, Tăng Ngọc T, Trần Thế L, Vũ Văn T1 đã phạm vào tội “Giết người” với lỗi cố ý gián tiếp.

Hành vi của các bị cáo Phạm Quốc T2, Nguyễn Hữu D, Vũ Trần H điều khiển xe mô tô trên đoạn đường trước chợ Thủ Dầu Một, T2 chạy song song ép xe của L, T3, dẫn đến xe của T2 va quệt với xe của L, T3 làm T2 té ngã xuống đường. Hành vi dùng xe mô tô của các bị cáo Phạm Quốc T2, Nguyễn Hữu D Trần Vũ H đuổi theo L, T3 trên đoạn đường đông người, gây rối trật tự công cộng làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Vũ Đ, Tăng Ngọc T, Trần Thế L, Vũ Văn T1 về tội “Giết người”; truy tố các bị cáo Phạm Quốc T2, Vũ Trần H, Nguyễn Hữu D về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm

truy đuổi, dọa bị hại là trái pháp luật và có khả năng tước đoạt mạng sống của bị hại nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện bản tính côn đồ, ý thức xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân sinh sống tại khu vực. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng nhằm tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò của từng bị cáo: bị cáo Đ là người có mâu thuẫn với Nguyễn Văn T3, sau đó khởi xướng đánh nhau và kích động đồng phạm dùng xe mô tô truy đuổi, đồng thời có chuẩn bị dao hăm dọa bị hại và truy đuổi đến cùng, khi bị hại ngã bất tỉnh, bị cáo tiếp tục dùng dao tấn công Nguyễn Văn T3 nên tính nguy hiểm của Đ là cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với các bị cáo T, L, T1 với vai trò đồng phạm tích cực truy đuổi đánh bị hại đến cùng, khi bị hại ngã bất tỉnh bị cáo tiếp tục dùng tay, chân tấn công Nguyễn Văn T3 nên tính nguy hiểm của các bị cáo là như nhau. Tuy nhiên, trong đó bị cáo T có tiền án nên cần cân nhắc khi quyết định hình phạt. Đối với các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, trong đó bị cáo T2 tuy vai trò truy đuổi không tham gia đến cùng, nhưng bản thân bị cáo có tiền án nên khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc, các bị cáo D, H có vai trò ngang nhau đều tham gia truy đuổi nhưng sau khi đuổi theo không kịp thì bỏ về không tham gia đến cùng nên tính chất nguy hiểm của hai bị cáo là ngang bằng nhau.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo T và T2 phạm tội trong trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T, T2, T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đ, L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau phạm tội ra đầu thú, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H, D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Quan điểm đối đáp của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với người bào chữa cho bị cáo Đ về đề nghị không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ là có căn cứ, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo Đ, H, D T2 là phù hợp, mức hình phạt đối với các bị cáo T1, T, L là không phù hợp. Đề nghị về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo là có căn cứ.

[7] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc bị cáo phạm tội là có căn cứ, việc xác định

người làm chứng và bị hại có lỗi là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử áp các tình tiết giảm nhẹ như Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp dưới khung là không có cơ sở.

[8] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn T3 bị các đối tượng trong vụ án gây thương tích 7%, ông T3 không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với những người đã gây thương tích cho ông nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không xử lý là có cơ sở.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, do các bị cáo không chấp nhận theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại nên người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị căn cứ theo quy định để giải quyết. Đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết cho gia đình bị hại. Đối với số tiền mai táng gia đình bị hại yêu cầu là 164.500.000 đồng nhưng không cung cấp các hóa đơn chứng từ. Tuy nhiên số tiền trên là chi phí hợp lý cho việc mai táng nên có cơ sở chấp nhận. Đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần do các bị cáo và gia đình bị hại không thỏa thuận được căn cứ theo quy định tại Điều 591 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận mức 100 lần lương cơ sở (lương cơ sở hiện tại quy định 2.340.000 đồng/tháng) số tiền là 234.000.000 đồng, buộc các bị cáo Trần Vũ Đ, Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Văn T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền mai táng, tiền tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại theo yêu cầu.

[11] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ông Trần Vũ Ph tự nguyện khắc phục hậu quả không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả lại tiền đã nộp thay cho bị cáo đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 67L1-8632, bị cáo T và bị cáo L dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra xe trên là của ông Nguyễn Thành Nh, ông Nh không có lỗi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không thu giữ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với xe mô tô biển số 60B4-529.21, bị cáo Đ dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra xe trên là của ông Nguyễn Minh Tr, ông Tr không có lỗi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không thu giữ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Xe mô tô biển số 61C1-702.18, bị cáo T2 dùng vào việc phạm tội, sau đó bị cáo T2 đã bán cho người khác không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không thu giữ được nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Xe mô tô biển số 60B4-976.09 của bị cáo D và xe mô tô không rõ biển số của bị cáo T1 dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra xe trên là của bị cáo D và bị cáo T1 đã bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không thu hồi được nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với dao bị cáo Đ dùng gây thương tích cho ông T3, bị cáo Đ ném trên đường đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không thu hồi được nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[13] Đối với số tiền 50.000.000 đồng do ông Trần Vũ Ph (cha ruột của bị cáo Đ) nộp khắc phục hậu quả cho bị hại tại giấy nộp tiền ngày 15 tháng 5 năm 2024 cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[14] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, các bị cáo Trần Vũ Đ, Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Văn T1 còn phải thực hiện nghĩa vụ liên đới bồi thường nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### 1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Vũ Đ, Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Văn T1 phạm tội “Giết người”.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Quốc T2, Vũ Trần H, Nguyễn Hữu D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Án lệ số 59/2023/AL thông qua theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Trần Vũ Đ 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Trần Thế L 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2023.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Án lệ số 59/2023/AL thông qua theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Tăng Ngọc T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 12 năm 2023.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Án lệ số 59/2023/AL,

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày 22 tháng 4 năm 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 91/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 12 năm 2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Vũ Trần H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589, 591 và Điều 593 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Buộc các bị cáo Trần Vũ Đ, Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Văn T2 liên đới bồi thường cho gia đình bị hại (do ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị H đại diện) số tiền mai táng là 164.500.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 234.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án số tiền 50.000.000 đồng do ông Trần Vũ Ph (cha ruột của bị cáo Trần Vũ Đ) nộp khắc phục hậu quả cho bị hại tại giấy nộp tiền ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương.

4. Về án phí: các bị cáo Trần Vũ Đ, Tăng Ngọc T, Trần Thế L, Vũ Văn T1, Phạm Quốc T2, Vũ Trần H, Nguyễn Hữu D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Trần Vũ Đ, Trần Thế L, Tăng Ngọc T, Vũ Văn T1 liên đới nộp 19.925.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.